TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 358/2026/HNGĐ-ST Ngày: 31/3/2026 V/v ly hôn	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:* Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1079/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim O, sinh ngày 08/9/1983 (vắng mặt)

CCCD số: 046183000113

Thường trú: B T, Khu phố B, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Quốc P, sinh ngày 11/11/1977 (vắng mặt)

CCCD số: 079077028528

Thường trú: B T, Khu phố B, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Nhà không số (kế 8/10), Ấp H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị Kim O trình bày:

Bà O và ông Phạm Quốc P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2009 tại UBND phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2025, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông P không chăm lo kinh tế gia đình. Bà O đã nhiêu lần khuyên nhủ, cho cơ hội hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà O nhận thấy vợ chồng không còn

tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà O yêu cầu ly hôn với ông Phạm Quốc P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Lê Bảo N (sinh ngày 19/7/2010), Phạm Thiên P1 (sinh ngày 18/11/2011). Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Quốc P vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (gọi tắt là Bộ luật tố tụng dân sự).

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim O và ông Phạm Quốc P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 178, quyển số 01/2009 ngày 12/11/2009 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông P là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà O: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu, không giao nộp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà O để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà O thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà O và ông P sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Hiện nay, bà O vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông P. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa

giải nhưng ông P vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà O và ông P đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà O được ly hôn với ông P

[6] Về con chung: Bà O và ông P có 02 con chung tên Phạm Lê Bảo N (sinh ngày 19/7/2010), Phạm Thiên P1 (sinh ngày 18/11/2011). Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phạm Lê Bảo N và cháu Phạm Thiên P1 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, ông P cũng không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông P cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Bà O và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà O và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà O chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Kim O được ly hôn với ông Phạm Quốc P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Lê Bảo N (sinh ngày 19/7/2010), Phạm Thiên P1 (sinh ngày 18/11/2011) cho bà Lê Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Phạm Quốc P cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà O phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà O đã nộp theo biên lai số 0029002 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV 8 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV 8 – TP.HCM;
- UBND P.Nhiêu Lộc, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ.

TAND KHU VỰC 8

TFL310326.TL.QDBA
3447

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam